TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HC-PT
Ngày 28 - 02 - 2020
V/v: Khởi kiện Quyết định hành chính phê duyệt phương án bồi thường

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Văn Biểu, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lí số 337/2018/TLPT-HC ngày 09 tháng 10 năm 2018 về việc "*Khởi kiện Quyết định hành chính phê duyệt phương án bồi thường"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2018/HC-ST ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1201/2020/QĐ-PT ngày 13/02/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

***** *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Hồng H (đã chết) và bà Bùi Thị V;

Địa chỉ: Tổ 4, khu 10, phường B, thành phố H, Quảng Ninh.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H gồm:

- Bà Bùi Thị V (vợ ông H);

- Anh Nguyễn Việt H1, sinh năm 1992 (con ông H);

- Anh Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1998 (con ông H).

Đều trú tại địa chỉ: Tổ 4, khu 10, phường B, thành phố H, Quảng Ninh, đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V: Bà Mai Thị L, Luật sư Công ty luật TNHH T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người bị kiện:* Uỷ ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (sau đây viết tắt là UBND).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hồng H2 - Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Quang H3 - Phó Chủ tịch (theo Văn bản ủy quyền số 133/QĐ-UBND ngày 06/12/2019); có đơn xin xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Quốc H4; trú tại: Tổ 9, khu 9, phường B, thành phố H, Quảng Ninh; chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Hạ Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 30/6/2017, Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long ban hành Quyết số 6814/QĐ-UBND (sau đây viết tắt là Quyết định 6814) về việc "phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông bà Nguyễn Hồng H - Bùi Thị V, trú tại tổ 4, khu 10, phường B thuộc diện giải phóng mặt bằng khu dịch vụ hậu cần cảng C, thành phố H; không đồng ý với Quyết định 6814, ông H, bà V khởi kiện yêu cầu hủy quyết định nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Hồng H và Bùi Thị V, cũng như người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Gia đình có mảnh đất sử dụng từ năm 1990 với mục đích đất ở do ông Dương Văn V1 chuyển nhượng lại cho gia đình. Sau đó, chị gái là bà Nguyễn Thị C dùng để ở từ năm 1990. Đến năm 2001, chị gái ông H - bà V cho ông H, bà V làm nhà ở từ đó cho đến nay, thời điểm xác định là đất ở của gia đình phải xác định từ năm 1993, nhưng Quyết định 6814/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối hộ gia đình không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình, cụ thể:

- Đối với diện tích 85,17m^2 của gia đình: Phần đất nêu trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông bà H - V. Dự án đường 18A (giai đoạn 2) không thu hồi phần diện tích nêu trên và chưa tiến hành việc bồi thường, hỗ trợ. Thực tế, gia đình sử dụng ổn định, lâu dài, không có tranh chấp và không vi phạm nghĩa vụ về đất đai. Căn cứ quy định tại Điều 43 Luật đất đai năm 2003 (Điều 82 Luật

đất đai năm 2013) quy định về các trường hợp không được bồi thường thì trường hợp của gia đình không nằm trong các trường hợp theo quy định nêu trên; vì vậy không bồi thường là không đúng quy định.

- Đối với việc trừ 100% số tiền sử dụng đất của gia đình: Việc thu hồi đất để phục vụ dự án khu du lịch hậu cần cảng C được thực hiện từ năm 2003, đến nay là 14 năm. Các hộ gia đình nằm trong diện được bồi thường giống gia đình đều không bị trừ tiền sử dụng đất nộp vào ngân sách Nhà nước. Việc kéo dài thời gian bồi thường là do lỗi của cơ quan có thẩm quyền; vì vậy thu 100% tiền sử dụng đất của gia đình là không đúng quy định.

- Đối với việc không cấp tái định cư: Dự án đường 18A (giai đoạn 2) gia đình bị thu hồi 167,7m^2 đất nhà ở, ngoài mảnh đất trên, gia đình không còn mảnh đất nào khác, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND thành phố H cho rằng "gia đình đã có nhà ở tại thửa vị trí khác trên địa bàn phường B" để không bố trí tái định cư cho gia đình là không đúng quy định.

- Đối với việc không tính tiền bồi thường do chậm chi trả tiền: Năm 2003, UBND thành phố H có quyết định thu hồi đất của gia đình, đến nay đã là 14 năm, gia đình vẫn chưa được nhận tiền bồi thường, căn cứ quy định tại Điều 93 Luật đất đai năm 2013 thì UBND thành phố H phải chi trả thêm khoản tiền chậm trả cho gia đình theo quy định của pháp luật.

- Ngoài ra còn phải hỗ trợ toàn bộ các khoản về tháo dỡ, di dời do phải di chuyển chỗ ở cho gia đình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông H cũng như bà V rút yêu cầu đối với 02 nội dung là chi trả thêm khoản tiền chậm trả và bồi thường đối với diện tích 85,17 m$^{2.}$

** Người bị kiện là UBND thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (do ông Hoàng Quang H3 đại diện) và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:*

UBND thành phố H đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà V đối với các yêu cầu, cụ thể như sau:

- Về nội dung yêu cầu bồi thường 85,17m^2 đất của gia đình.

Năm 2000, khi thực hiện dự án đường 18A (giai đoạn 2), hộ gia đình ông Nguyễn Hồng H sử dụng thửa đất số 18, tờ 8 GPMB (thửa 64 tờ 38BĐĐC phường B), với tổng diện tích là 228,3m^2, trong đó diện tích đất thu hồi vĩnh viễn là 87,9m^2, diện tích đất thu hồi tạm thời là 80,8m^2.

Đến nay, thực hiện dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng C, hộ ông Nguyễn Hồng H sử dụng tại thửa số 59, tờ 1GPMB là 364.8m^2 bị thu hồi hết, trong đó có 85,17m^2 thuộc ranh giới thu hồi vĩnh viễn dự án Quốc lộ 18A (giai đoạn 2 năm

2000) nên không được bồi thường, không được hỗ trợ theo quy định.

- Đối với yêu cầu được bồi thường toàn bộ 100% diện tích đất bị thu hồi của gia đình theo quy định của pháp luật, không được trừ khoản tiền bồi thường về đất ở của gia đình với lý do "thực hiện nghĩa vụ tài chính".

Xét về nguồn gốc sử dụng đất của ông H, bà V (Theo Bản chứng nhận nhà, đất do UBND, UBMTTQ phường B lập ngày 27/6/2017):

Năm 1976, HTX Hợp Tiến cho Xí nghiệp đóng tàu thuyền Hạ Long mượn để tăng gia sản xuất, đến năm 1979 Xí nghiệp trả lại cho HTX. Năm 1980, HTX cho đơn vị quân đội mượn làm nhà ở để thi công tuyến đường sắt C. Từ khi cho đơn vị quân đội mượn đất, HTX không quản lý thửa đất này nữa, do vậy khi rút quân đơn vị đã bán lại đất cho ông Dương Văn V1 vào tháng 01/1990.

Đến tháng 02/1990, ông V1 bán lại cho ông L1 (bố đẻ của bà Nguyễn Thị C). Sau khi mua, ông L1 cho con là ông N và bà C một phần diện tích đất sử dụng để ở, trong thời gian này ông L1 ở cùng các con tại thửa đất này.

Từ năm 1990 đến năm 2003, bà C sử dụng thửa đất để ở. Từ năm 2003 đến khi GPMB dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng C do nhà bị ngập úng nên bà C chuyển về ở tạm tổ 4 khu 10 phường B.

Năm 2001, khi GPMB mở rộng đường 18A giai đoạn 2 bà C đã được đền bù một phần đất ở.

Sau khi GPMB Quốc lộ 18A, năm 2001, bà C cho em trai là ông Nguyễn Hồng H một phần diện tích đất vườn, nhà cấp 4 ông H xây dựng năm 2002 để ở. Đến năm 2007, do ảnh hưởng nổ mìn thi công đường sắt và nhà bị ngập úng nên ông H chuyển về ở tạm tại khu vực trạm điện thuộc tổ 4 khu 10 phường B, ông H không nộp thuế nhà đất.

Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông H, bà V và các trường hợp khác tương tự trong cùng dự án được thực hiện theo chính sách bồi thường Luật đất đai năm 2003, Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, Nghị định số 69/QĐ-UBND ngày 13/8/2009 và Quy định kèm theo Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 11/02/2010. Tại Mục a Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định về việc cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đất do hộ gia đình, cá nhân sử dụng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 trở về sau: "Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở thì phải nộp tiền sử dụng đất theo mức thu quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP đối với diện tích đất ở đang sử dụng nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 83 và khoản 5 Điều 84 của Luật Đất đai tại thời điểm cấp giấy chứng nhận; đối với diện tích đất ở thực tế ngoài hạn mức (nếu có) thì phải nộp tiền sử dụng đất theo mức thu quy định tại

điểm b khoản 3 Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP".

Tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định như sau:

"a) Thu tiền sử dụng đất bằng 50% tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở; quy định này chỉ được thực hiện một lần đối với hộ gia đình, cá nhân; lần giao đất sau thu 100% tiền sử dụng đất;

b) Thu tiền sử dụng đất bằng 100% tiền sử dụng đất đối với diện tích vượt hạn mức giao đất ở".

- Trường hợp của gia đình ông Nguyễn Hồng H đã được bồi thường đủ hạn mức đất ở 120m^2/hộ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quốc lộ 18A từ năm 2001 (tại vị trí khác - thửa 64 tờ 38BĐĐC phường B). Do vậy, phần diện tích đất thửa số 59 tờ bản đồ GPMB số 01 dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng C được bồi thường là đất ở vượt hạn mức và thu tiền sử dụng đất 100% đối với phần diện tích sử dụng làm đất ở 104,36m^2 (bao gồm: Nhà chính 33,12m^2, nhà vệ sinh và bếp 8,66m^2, sân nền xỉ láng xi măng 62,58m^2), theo mục b khoản 3 Điều 8 Nghị định 198/NĐ-CP; phần diện tích còn lại 175,27m^2 được bồi thường, hỗ trợ là đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở.

- Về nội dung yêu cầu được hỗ trợ toàn bộ các khoản về tháo dỡ, di dời do phải di chuyển chỗ ở cho gia đình UBND sẽ xem xét.

- Đối với nội dung yêu cầu được cấp đất tái định cư.

Căn cứ Mục a khoản 1 Điều 42 Quy định kèm theo Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định về điều kiện được bố trí đất tái định cư, như sau: "Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi".

Căn cứ nội dung xác minh của UBND phường B tại Văn bản số 847/UBND ngày 04/12/2017 thể hiện gia đình ông Nguyễn Hồng H đã có nhà ở, đất ở khác tại thửa 64, tờ 48BĐĐC thuộc tổ 4 khu 10 phường B. Như vậy, trường hợp của gia đình ông, bà H - V thuộc diện phải di chuyển chỗ ở nhưng gia đình đã có nhà ở khác trong địa bàn phường B, nên không đủ điều kiện được bố trí tái định cư theo quy định.

- Về nội dung yêu cầu bồi thường chậm chi trả cho gia đình thì sau khi ban hành Quyết định 6814 ngày 10/7/2017, Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố đã có Văn bản số 1431/PTQĐ đề nghị Chủ đầu tư là Công ty cổ phần V Việt Nam bố trí kinh phí để chi trả cho gia đình. Vậy, sau khi Chủ đầu tư bố trí kinh phí Trung tâm sẽ mời hộ dân chi trả tiền theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện cho rằng

đối với yêu cầu của ông H, bà V về hỗ trợ di chuyển và ổn định đời sống đã được UBND thành phố H phê duyệt phương án bồi thường theo Quyết định số 4518 ngày 08/8/2018.

Từ các căn cứ trên, khẳng định: Việc UBND thành phố H ban hành Quyết định số 6814/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 là đúng quy định của pháp luật tại thời điểm phê duyệt. Do đó, không có cơ sở chấp nhận các yêu cầu của người khởi kiện.

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường B trình bày:*

UBND phường B đã tiến hành họp xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của hộ ông H, bà V để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ dự án đúng quy định pháp luật. Đại diện UBND phường B khẳng định nội dung nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Hồng H, bà Bùi Thị V trong Văn bản chứng nhận nhà đất ngày 27/6/2017 là đúng.

Với nội dung trên, tại Bản án số 48/2018/HC-ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng H, bà Bùi Thị V về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6814/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND thành phố H "về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông bà Nguyễn Hồng H, Bùi Thị V, trú tại tổ 4, khu 4, phường B thuộc diện giải phóng mặt bằng Khu dịch vụ hậu cần cảng C, thành phố H" và yêu cầu buộc UBND thành phố H phải lập lại phương án bồi thường.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm chịu án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/8/2018, ông Nguyễn Hồng H và bà Bùi Thị V có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là bà Bùi Thị V cũng như người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H giữ nguyên nội dung kháng cáo, nội dung khởi kiện và những vấn đề đã trình bày tại cấp sơ thẩm, đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là UBND thành phố H trình bày: Cơ bản giữ nguyên ý kiến như tại cấp sơ thẩm, bản án sơ thẩm

đã xét xử đúng quy định pháp luật nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông H bà V là có căn cứ, nên kháng cáo của ông H bà V không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông H bà V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của các đương sự, các luật sư, Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Quyết định số 6814/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND thành phố H, tỉnh Quảng Ninh "Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông, bà Nguyễn Hồng H - Bùi Thị V, trú tại tổ 4 khu 10 phường B, thuộc diện GPMB Khu dịch vụ hậu cần cảng C, thành phố Hạ Long"; đây là Quyết định hành chính cá biệt của UBND cấp huyện về quản lý đất đai nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và là thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Do không đồng ý với Quyết định 6814, nên ngày 08/12/2017 ông Nguyễn Văn H - bà Bùi Thị V có đơn khởi kiện là trong thời hạn 01 năm nên đang còn thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên đối thoại và tại phiên tòa, đại diện người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và có người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ông H chết nên Tòa án đã đưa vợ và con của ông H vào tham gia tố tụng với tư cách là người

thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H; tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là đúng với quy định tại Điều 59; khoản 2 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Nguyễn Hồng H và người khởi kiện Bùi Thị V rút một phần yêu cầu khởi kiện là buộc UBND thành phố H bồi thường liên quan đến diện tích 85,17m^2 đất và yêu cầu bồi thường tiền chậm chi trả cho gia đình. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện đã được Hội đồng xét xử nhận định chấp nhận nhưng không đình chỉ xét xử đối với phần này là chưa đúng với quy định tại khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, vi phạm này không làm ảnh hưởng đến bản chất vụ án và người khởi kiện cũng không kháng cáo nội dung này nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, nhưng cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

** Về nội dung:*

[4] Căn cứ Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Quảng Ninh "về việc thu hồi đất của UBND thành phố H giao cho Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam để thực hiện dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng Cái Lân tại phường B, thành phố H"; căn cứ vào các tài liệu liên quan đến nguồn gốc đất quá trình sử dụng đất và hồ sơ kiểm đếm của hộ gia đình ông Nguyễn Hồng H - bà Bùi Thị V, ngày 30/6/2017, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 6814/QĐ-UBND "về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông, bà Nguyễn Hồng H - Bùi Thị V trú tại tổ 4, khu 10, phường Bãi Cháy thuộc diện giải phóng mặt bằng Khu dịch vụ hậu cần cảng C, thành phố H". Như vậy, Quyết định 6814 ban hành đảm bảo trình tự thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013.

[5] Xét nội dung Quyết định số 6814/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H thấy:

[5.1] Về nội dung bồi thường, hỗ trợ về đất:

Xét nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Hồng H - bà Bùi Thị V thấy rằng: Thửa đất số 59 tờ bản đồ số 01 GPMB có diện tích 364,8m^2 (Bản đồ địa chính thuộc các thửa 48 tờ số 49, chủ sử dụng HTX Hợp Tiến diện tích 23,13m^2; thửa số 60 tờ bản đồ số 49, chủ sử dụng đất là đất hoang, diện tích 256,51m^2; một phần có diện tích 85,17 m^2 thuộc ranh giới thu hồi vĩnh viễn dự án Quốc lộ 18A (giai đoạn 2 năm 2000). Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì toàn bộ diện tích đất của ông Nguyễn Hồng H, bà Bùi Thị V chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định; theo hồ sơ quản lý đất đai, bản chứng nhận nhà, đất đối tượng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất dự án: Khu dịch vụ hậu cần cảng C thể hiện: Năm 1976 HTX Hợp Tiến cho

Xí nghiệp đóng tàu thuyền H mượn để tăng gia sản xuất, đến năm 1979 Xí nghiệp trả lại cho HTX; năm 1980 HTX cho đơn vị quân đội mượn làm nhà ở để thi công tuyến đường sắt C. Từ khi cho đơn vị quân đội mượn đất, HTX không quản lý thửa đất này nữa. Do vậy, khi rút quân đơn vị đã bán lại đất cho ông Dương Văn V1 vào tháng 01/1990. Đến tháng 02/1990, ông Viễn bán lại cho ông L1 (bố đẻ của bà Nguyễn Thị C); sau khi mua, ông Lâm cho con là ông N và bà C một phần diện tích đất sử dụng để ở, trong thời gian này ông L1 ở cùng các con tại thửa đất này. Bà C sử dụng thửa đất để ở từ năm 1990 đến năm 2003, sau đó đến khi GPMB dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng C do nhà bị ngập úng nên bà C chuyển về ở tạm tổ 4 khu 10 phường B. Năm 2001, khi GPMB mở rộng đường 18A giai đoạn 2, bà C đã được đền bù một phần đất ở. Sau khi GPMB Quốc lộ 18A, năm 2001, bà C cho em trai là ông H một phần diện tích đất vườn. Năm 2002, ông H làm nhà cấp 4, đến năm 2007 do ảnh hưởng nổ mìn thi công đường sắt và nhà bị ngập úng nên ông H về ở tạm tại khu vực trạm điện thuộc tổ 4 khu 10 phường B. Như vậy, hộ gia đình ông H sử dụng đất từ năm 2001. Hơn nữa, gia đình ông Nguyễn Hồng H đã được bồi thường mức đất ở 120m^2/hộ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Quốc lộ 18A từ năm 2001 (tại vị trí khác - thửa 64 tờ 38BĐĐC phường B). Do vậy, phần diện tích đất thửa số 59 tờ bản đồ GPMB số 01 dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng C được bồi thường là đất ở vượt hạn mức và thu tiền sử dụng đất 100% đối với phần diện tích sử dụng làm đất ở 104,36m^2 (bao gồm: Nhà chính 33,12m^2, nhà vệ sinh và bếp 8,66m^2, sân đầm xỉ láng XM 62,58m^2); phần diện tích còn lại 175,27m^2 được bồi thường, hỗ trợ là đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở là có căn cứ, phù hợp với Luật đất đai năm 2003, Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, Nghị định số 69/QĐ-UBND ngày 13/8/2009 và Quy định kèm theo Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

[5.2] Về nội dung yêu cầu được cấp đất tái định cư: Theo kết quả xác minh của UBND phường B thể hiện hộ gia đình ông H ở tại thửa đất GPMB dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng C từ năm 2002 đến năm 2007; năm 2007 đến nay do nhà bị ngập úng không ở được nên gia đình đã di dời khỏi thửa đất GPMB và chuyển về ngôi nhà tại thửa 64 tờ 38 BĐĐC ở, sinh sống ổn định hợp pháp cho đến nay. Đồng thời, gia đình ông H thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cho Nhà nước, hiện tại thửa đất này đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất nên không đủ điều kiện được cấp đất tái định cư tại vị trí thửa đất GPMB dự án Khu dịch vụ hậu cần là phù hợp.

[5.3] Đối với yêu cầu được hỗ trợ toàn bộ các khoản về tháo dỡ, di dời do phải di chuyển chỗ ở cho gia đình: Sau khi Tòa án tổ chức đối thoại, UBND thành phố H đã xem xét và ban hành Quyết định số 4518/QĐ-UBND ngày 03/8/3018 phê duyệt phương án bổ sung chính sách hỗ trợ ổn định cuộc sống và

hỗ trợ tiền di chuyển cho gia đình ông Nguyễn Hồng H với số tiền 22.280.000 đồng.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Quyết định số 6815 của UBND thành phố H ban hành đúng trình tự, có căn cứ pháp luật, phù hợp với thực tế đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Nguyễn Hồng H, bà Bùi Thị V. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới; nên người khởi kiện đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Bùi Thị V phải nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hồng H và bà Bùi Thị V; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2018/HC-ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Về án phí: Bà Bùi Thị V phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AC/2016/0000996 ngày 17/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh; xác nhận bà V đã nộp đủ án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm